Họ tên : Chế Công Hậu - MSSV : N17DCAT023 - Lớp : D17CQAT01-N

1. Dùng lại lab 3
2. Dùng lại lab 3
3. Tạo stored procedure
4. Stored dùng để thêm mới dữ liệu (Insert) vào table SINHVIEN

Graphical user interface, text, application, email

Description automatically generated

1. Stored dùng để thêm mới dữ liệu (Insert) vào table NHANVIEN, trong đó thuộc tính MATKHAU được mã hóa (HASH) sử dụng SHA1 và thuộc tính LUONG sẽ được mã hóa sử dụng thuật toán AES 256, với khóa mã hóa là mã số của sinh viên thực hiện bài Lab này.

Trước tiên bạn cần tạo Master Key, Certificate và Symmetric Key cho DB QLSV. Symmetric key AES\_256\_ENCRYPT này được dùng để mã hóa dữ liệu dựa trên chứng chỉ MY\_ENCRYPT\_CERT lấy PASSWORD là ‘N17DCAT023’.

Graphical user interface, text

Description automatically generated

Tạo SP\_INS\_ENCRYPT\_NHANVIEN:

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

1. Stored dùng để truy vấn dữ liệu nhân viên (NHANVIEN)

Graphical user interface, text, application, email

Description automatically generated

1. Viết màn hình quản lý đăng nhập hệ thống (sử dụng JAVA), cho phép nhập vào tên đăng nhập và mật khẩu (giả sử tên đăng nhập của sinh viên và nhân viên là duy nhất, nghĩa là tên đăng nhập của tất cả các sinh viên và tất cả nhân viên là khác nhau).

Graphical user interface, application

Description automatically generated

1. Viết màn hình load danh sách nhân viên (sử dụng JAVA) như mô tả bên dưới

Màn hình khi mới đăng nhập

Graphical user interface, application

Description automatically generated

**Thêm nhân viên**

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Graphical user interface, application

Description automatically generated

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

1. Sử dụng công cụ SQL Profile để theo dõi thao tác đăng nhập từ màn hình quản lý đăng nhập trên, nhận xét.

Graphical user interface, application

Description automatically generated

Click Login

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

Copy câu lệnh trong SQL Profile, thực thi và viết nhận xét:

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

Nhận xét: Khi copy câu lệnh trên sang SQL Server Management Studio thực thi thì ta thấy kết quả có câu: 1 row affected” nghĩa là có 1 nhân viên trong table NHANVIEN có kết quả trùng khớp với câu truy vấn này.

1. Sử dụng công cụ SQL Profile để theo dõi load màn hình danh sách nhân viên.

Graphical user interface, text, application, email

Description automatically generated

Graphical user interface, text, application, email

Description automatically generated

Nhận xét: Sau khi thực thi lệnh “EXEC SP\_SEL\_ENCRYPT\_NHANVIEN” ở SQL Server Management Studio ta có thông báo kết quả là “1 row affected”.

1. Sử dụng công cụ SQL Profile để theo dõi thao tác thêm mới nhân viên nhân viên.

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Graphical user interface, text, application, email

Description automatically generated

Thực thi lệnh ‘SELECT MANV FROM NHANVIEN WHERE MANV = “NV03” ’ để kiểm tra trong Database đã tồn tại MANV này chưa.

Graphical user interface, text, application, email

Description automatically generated

Thực thi lệnh ‘EXEC SP\_INS\_ENCRYPT\_NHANVIEN’ nhận tham số được nhập từ chương trình JAVA vào và thêm nhân viên mới vào.

Graphical user interface, text, email

Description automatically generated

Sau khi thêm nhân viên mới vào xong thì chương trình JAVA sẽ load lại danh sách nhân viên từ Database, cho nên có thêm lệnh truy vấn thứ 4 (@p1 = 4): ‘EXEC SP\_SEL\_ENCRYPT\_NHANVIEN’